

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2021/HS-ST

Ngày: 06 - 4 - 2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH TÂN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Kim Thùy là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Phú - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Tân, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 17/2021/TLST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2021/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 4 năm 2021 đối với bị cáo:

L (N), sinh năm: 1991; tại quận T, thành phố C; nơi cư trú: khóm H, phường T, thành phố L, tỉnh An Giang; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hóa: không biết chữ; dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông A (chết) và bà B; vợ: không; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/3/2021 cho đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa

Bị hại: Bà T, sinh năm 1958. Nơi cư trú ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông V, sinh năm 1972. Nơi cư trú: số 6/52 khóm T, phường H, thành phố L, tỉnh An Giang. (Có mặt)

Người làm chứng:

Bà C, sinh năm 1966. Nơi cư trú: ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ ngày 11/3/2021 L điều khiển xe mô tô biển số 67B2-264.24 đến tiệm vàng Tư Thắng ở ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long do chị T làm chủ để bán

vàng. Khi đến, L nhìn thấy xung quanh tiệm chỉ có chị T nên nảy sinh ý định lấy trộm vàng để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy. L kêu chị T lấy nhiều loại nhẫn kiểu nữ ra để L chọn, mục đích là nhằm để chị T mất cảnh giác. L lợi dụng lúc chị T không chú ý đến, L dùng tay trái đưa vào trong tủ kiếng lấy 03 chiếc nhẫn gồm 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li rồi bỏ vào túi quần bên trái của L. Lúc này, chị T nhìn thấy L bỏ tay vào túi quần nên hỏi “Mày lấy cái gì bỏ vào túi quần” thì L nói “Tôi có lấy cái gì đâu”. Anh N là chồng chị T nằm ở phía sau nhà nghe tiếng chị T la nên chạy ra đóng cửa rào rồi kêu L lấy tài sản trong túi quần ra hết thì phát hiện L lấy trộm 03 chiếc nhẫn của tiệm. Chị T và anh N bắt giữ L cùng tang vật giao cho Công an xã N lập biên bản bắt người phạm tội quả tang. (BL 13-14)

Tang vật thu giữ gồm:

- 03 chiếc nhẫn (01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li)

- 01 xe mô tô biển số 67B2-264.24 và giấy chứng nhận đăng ký xe.

Căn cứ vào bản kết luận định giá tài sản số 08/KLĐGTS ngày 16/3/2021, của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long kết luận: “01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li kiểu đá xanh có xoàn; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li kiểu channel đá trắng và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li kiểu nhẫn hột trắng, có tổng giá trị 10.956.000 đồng”. (BL: 31).

Qua điều tra, L đã thành khẩn khai báo và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình (BL: 72-90).

Xét thấy đủ yếu tố cấu thành tội phạm nên vào ngày 16/3/2021 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện B ra quyết định khởi tố vụ án, khởi tố bị can đối với L và ra Lệnh bắt tạm giữ, tạm giam cho đến nay.

Trong quá trình điều tra, Cơ quan điều tra giải quyết được như sau:

- Đối với xe mô tô biển số 67B2-264.24 do anh V đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe dùm cho L.

Phân trách nhiệm dân sự:

Đối với chị T sau khi nhận lại tài sản bị mất là 03 chiếc nhẫn (gồm 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li) thì chị đã làm đơn bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho L và không có yêu cầu gì khác (BL: 51).

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKSBT ngày 31/3/2021 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Vĩnh Long đã truy tố bị cáo L về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, sau khi phân tích các yếu tố cấu thành tội phạm, tính chất, mức độ hành vi phạm tội, hậu quả, nhân thân của bị cáo, năng lực trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự Viện kiểm sát nhân dân huyện B vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo L đề nghị Hội đồng xét xử:

Về hình phạt chính: Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 01 năm đến 01 năm 06 tháng cải tạo không giam giữ.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn lại đang điều trị bệnh áp xe da, nhọt nên miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, 585, 586, 587, 589 Bộ luật Dân sự

Sau khi nhận lại tài sản bị mất, chị Thắng không có yêu cầu gì khác nên đề nghị Hội đồng không đặt ra giải quyết.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 của Bộ Luật hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Đề nghị chấp nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 03 chiếc nhẫn (gồm 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li) cho chị Thắng xong.

- Đề nghị trả lại 01 01 xe mô tô biển số 67B2-264.24 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo vì không liên quan vụ án.

Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội đúng như nội dung cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Tân đã truy tố.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đã biết lỗi và ăn năn, hối hận xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt để bị cáo có thời gian điều trị bệnh, chăm sóc mẹ già.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra công an huyện B, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa sơ thẩm phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, vật chứng thu giữ được và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Từ đó, đủ cơ sở kết luận khoảng 10 giờ ngày 11/3/2021 bị cáo chạy xe biển số 67B2-264.24 đến tiệm vàng có tên là Tư Thắng do chị T làm chủ thuộc ấp B, xã N, huyện B, tỉnh Vĩnh Long để bán vàng Nhưng sau đó, bị cáo đã có hành vi lén lút dùng tay trái đưa vào trong tủ kiếng lấy trộm 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li có tổng giá trị theo kết luận định giá của Hội đồng định giá là 10.956.000 đồng.

Hành vi trên của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện B đã truy tố bị cáo với tội danh và điều luật như trong quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 03/QĐ-VKSBT ngày 31/3/2021 cũng như lời luận tội của vị Kiểm sát viên thực hành quyền công tố tại phiên tòa sơ thẩm là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

[3] Xét tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, bị cáo chỉ vì cần có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng mà bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu của người khác là khách thể được pháp luật hình sự bảo vệ. Trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn vì tài sản đã được trả lại cho bị hại. Bị hại còn có đơn bãi nại và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do đó, Hội đồng xét xử xem xét áp dụng điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự khi lượng hình đối với bị cáo. Xét bị cáo có nơi cư trú rõ ràng nên không cần thiết cách ly ra khỏi đời sống xã hội mà giao cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục.

[4] Xét bị cáo có hoàn cảnh kinh tế khó khăn lại đang bị bệnh áp se da, nhọt (có Đơn thuốc của Trạm y tế huyện B ngày 31/3/2021) phải thường xuyên mua thuốc uống điều trị bệnh nên miễn hình phạt bổ sung và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại T 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng

lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li xong. Sau khi nhận, bị hại không có yêu cầu gì thêm nên không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng và áp dụng biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Chấp nhận Cơ quan điều tra đã trả lại 03 chiếc nhẫn (gồm 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 05 phân 07 li; 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 01 chỉ 03 phân 06 li và 01 chiếc nhẫn vàng 14K có trọng lượng 03 phân 07 li) cho chị T xong.

- Đối với 01 xe mô tô biển số 67B2-264.24 và 01 giấy chứng nhận đăng ký xe do ông V đứng tên dùm cho bị cáo. Xét thấy đây là tài sản của bị cáo không liên quan đến vụ án vì bị cáo đến tiệm vàng chị T để bán vàng mới phát sinh ý định lấy trộm do đó cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với 01 (một) đĩa DVD ghi lại quá trình phạm tội bị cáo đang có trong hồ sơ cần tịch thu lưu hồ sơ vụ án.

[7] Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, 136 và điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo L (N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; Điều 36; điểm h, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017)

Xử phạt bị cáo 01 (một) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Bị cáo được khấu trừ 02 (hai) tháng 21 (hai mươi mốt) ngày do bị cáo bị tạm giam từ ngày 11/3/2021 cho đến ngày 06/4/2021 (là 27 ngày).

Bị cáo còn phải chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ là 01 (một) năm 03 (ba) tháng 09 (chín) ngày. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang nhận được bản án, quyết định thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ của bị cáo.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường M, thành phố L, tỉnh An Giang giám sát, giáo dục. Trường hợp người được cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 100 của Luật thi hành án hình sự năm 2019.

Miễn hình phạt bổ sung và khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

2. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

3. Về biện pháp tư pháp: Áp dụng Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Trả lại 01 (một) xe mô tô biển số 67B2-264.24 và 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe cho bị cáo.

- Tịch thu lưu hồ sơ 01 (một) đĩa DVD đang có trong hồ sơ vụ án.

(Vật chứng hiện do Chi cục thi hành án dân sự huyện B, tỉnh Vĩnh Long đang tạm giữ theo Biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31/3/2021

4. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo nộp 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long (PKTNV và THA)
- VKSND tỉnh Vĩnh Long
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Long
- Phòng hồ sơ CA tỉnh Vĩnh Long
- VKSND huyện B
- Công an HLB (CQTHAHS, CQĐT, NTG)
- Chi cục THADS huyện B
- UBND phường M
- Bị cáo; đương sự
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Huỳnh Thanh Hùng